

Bản án số: 56/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 16/10/2019

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Bích Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Viết Côi** và Ông **Đỗ Huy Sáu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Khuyến** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị **Ngô Thị Q** – sinh năm 1976 (có mặt)

*** Bị đơn:** Anh **Lê Văn Đ** – sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: thôn VN, xã VA, huyện UH, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị Ngô Thị Q là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Lê Văn Đ qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VA, năm 1996. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, va chạm, nhiều lần anh còn có hành vi bạo lực với chị. Nguyên nhân là do anh Đ sống không chung thủy với chị; vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, không hiểu và thông cảm cho nhau mọi vấn đề của cuộc sống. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn để mong gia đình có cuộc sống hạnh phúc nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì tình cảm vợ chồng càng phai nhạt bấy nhiêu. Do cuộc sống quá áp lực, mệt mỏi nên khoảng tháng 6/2014 chị dẫn hai con lên tỉnh Điện Biên sinh sống và cũng từ đó anh chị sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người một cuộc sống. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để ổn định cuộc sống, chị làm đơn xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Lê Xuân H – sinh ngày 13/7/1997 và Lê Thị Kim Th – Sinh ngày: 27/10/2003. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết. Con cháu Th hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức và công nợ chung của vợ chồng: chị không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Lê Văn Đ trình bày: anh và chị Ngô Thị Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký theo quy định của pháp luật tại UBND xã VA, năm 1996. Cuộc sống chung của vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn với anh. Quan điểm của anh là đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh chị có 02 con chung. Hiện nay, cháu Lê Xuân H – sinh ngày: 13/7/1997 đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu Lê Thị Kim T – sinh ngày: 27/10/2003 hiện đang ở với chị Q. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, do con đã lớn nên anh tôn trọng sự lựa chọn của con và cũng để con có cuộc sống ổn định, không bị sáo trộn nên anh đồng ý để con tiếp tục ở với chị Q. Về tài sản, công nợ chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Đ cũng xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án của anh chị.

Kết quả xác minh tại chính Q địa phương xã VA đều xác định: Chị Ngô Thị Q và anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An, ngày 29/7/1996. Sau khi kết hôn, cuộc sống của anh Đ, chị Q hòa thuận không có điều tiếng gì. Đến vài năm gần đây, cuộc sống chung của anh chị không hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không rõ. Đến khoảng tháng 6/2014, chị Q mang theo hai con lên Mường Nhé, Điện Biên sinh sống từ đó cho đến nay còn anh Đ vẫn sinh sống tại địa phương. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn với anh Đ, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa xem xét chấp nhận nguyện vọng của chị Q để cả hai sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: cháu Th hiện đang ở với chị Q, để cuộc sống của cháu ổn định, đề nghị Tòa án giao cháu Th cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ có quan điểm xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án. Chị Q vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm Q, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh Đ. Giao con cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ. Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị Q đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Lê Văn Đ đến tòa án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ vắng mặt và có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Q và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, sau kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Q dẫn hai con lên Điện Biên sinh sống còn anh Đ vẫn sống tại địa phương. Sau một thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm đến ai thì chị Q nộp đơn xin ly hôn với anh Đ. Xét thấy cuộc sống giữa chị Q và anh Đ mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Q là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: chị Q và anh Đ có 02 con chung là cháu Lê Xuân H – sinh ngày: 13/7/1997 và Lê Thị Kim Th – sinh ngày: 27/10/2003. Từ khi vợ chồng sống ly thân hai cháu ở với chị Q. Nay cháu H đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Q có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th. Cháu Th có nguyện vọng được ở với chị Q. Anh Đ có quan điểm tôn trọng sự lựa chọn của các con. Chị Q không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, nguyện vọng của các bên đương sự cũng như nguyện vọng của cháu Th, giao chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ: chị Q, anh Đ xác nhận đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp nếu sau này các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí và Q kháng cáo: Chị Q phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chị Ngô Thị Q được ly hôn với anh Lê Văn Đ;

2. Về con chung: Đối với cháu Lê Xuân H – sinh ngày 13/7/1997 đã trưởng thành Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Giao chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Kim Th, sinh ngày 27/10/2003. Chị Q không yêu cầu anh Lê Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Văn Đ cho đến khi cháu Thư trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Q đã nộp tại Biên lai thu số 0009288 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Bích Hằng